

Thúc đẩy chia sẻ kiến thức trong giáo dục đại học tại Việt Nam qua lăng kính các lý thuyết đạo đức

Tạ Hữu Hiền*, Nguyễn Mạnh Hoàng

Viện Đào tạo Quốc tế NTT (NIIE), Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

*thhien@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Hành vi giữ lại kiến thức trong môi trường học thuật gây ra nhiều thách thức nghiêm trọng đối với chất lượng giảng dạy và học tập. Nghiên cứu này tập trung vào các giải pháp thúc đẩy chia sẻ kiến thức trong giáo dục đại học tại Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu các lý thuyết đạo đức như hệ quả luận, đạo đức học trách nhiệm, lý thuyết đạo đức học đức hạnh và lý thuyết hợp đồng xã hội, bài viết phân tích và đề xuất giải pháp tích hợp dưới góc nhìn của các lý thuyết đạo đức này bao gồm: lập chương trình chia sẻ kiến thức với cơ chế khen thưởng, xây dựng chính sách yêu cầu chia sẻ kiến thức trong mô tả công việc, thiết lập cơ chế giao tiếp hai chiều và tổ chức các hoạt động xây dựng văn hóa đoàn kết trong môi trường giáo dục đại học. Kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp tiếp cận kết hợp các giải pháp được khuyến nghị nhằm cân bằng giữa động lực bên ngoài và bên trong tổ chức, đồng thời thúc đẩy trách nhiệm chung và tinh thần hợp tác giữa các giảng viên. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn củng cố môi trường học thuật bền vững, hỗ trợ hiệu quả cho mục tiêu giáo dục.

© 2025 Journal of Science and Technology - NTTU

Nhận 03/01/2025

Được duyệt 23/11/2025

Công bố 28/12/2025

Từ khóa

chia sẻ kiến thức,
đạo đức,
giáo dục đại học;
trách nhiệm nghề
nghiệp, giảng viên

1 Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên nền kinh tế tri thức, tri thức được công nhận là tài sản chiến lược then chốt, góp phần quyết định năng lực cạnh tranh và tính bền vững của các tổ chức học thuật và kinh tế [1]. Quản trị tri thức – gồm các hoạt động thu thập, tổ chức, chia sẻ và ứng dụng tri thức – trở thành công cụ thiết yếu để tối ưu hóa việc sử dụng nguồn tài sản vô hình này. Trong chuỗi các hoạt động quản trị tri thức, hành vi chia sẻ kiến thức giữ vai trò trung tâm bởi khả năng thúc đẩy đổi mới, nâng cao hiệu quả giảng dạy và gia tăng năng lực thích nghi của tổ chức trước những thay đổi môi trường [2].

Tuy nhiên, không phải lúc nào hành vi chia sẻ cũng diễn ra một cách tự nhiên và liên tục. Thực tiễn cho thấy sự tồn tại phổ biến của hành vi giữ lại kiến thức (knowledge hoarding) và che giấu kiến thức (knowledge hiding), với những động cơ và hệ quả khác nhau [2]. Trong đó, giữ lại kiến thức thường xuất phát từ nhu cầu bảo vệ vị thế cá nhân, sự lo ngại về mất quyền kiểm soát thông tin và môi trường cạnh tranh nội bộ [2].

Trong lĩnh vực giáo dục đại học, nơi tri thức không chỉ là đầu vào mà còn là sản phẩm đầu ra chính, hành vi giữ lại kiến thức đặc biệt gây lo ngại. Nhiều giảng viên kỳ cựu có xu hướng lưu giữ tài liệu giảng dạy, chiến

lược sư phạm hoặc kinh nghiệm chuyên môn nhằm duy trì lợi thế nghề nghiệp, trong khi các giảng viên trẻ lại phụ thuộc vào sự hỗ trợ đó để phát triển năng lực giảng dạy [3]. Ở những chương trình đào tạo bằng tiếng Anh (EMI), rào cản ngôn ngữ và lo âu của người học càng làm lộ rõ hệ lụy khi giảng viên không chia sẻ đầy đủ tài nguyên hỗ trợ, dẫn đến giảm chất lượng học tập và gia tăng áp lực cho người học [4]. Như vậy, hậu quả của hành vi giữ lại hoặc che giấu tri thức không chỉ tác động lên quan hệ giữa các giảng viên mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới sinh viên, quản trị nhà trường và uy tín học thuật của tổ chức [2, 3].

Căn nguyên của hành vi không chia sẻ thường là mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và trách nhiệm nghề nghiệp: giảng viên kỳ cựu coi tri thức như nguồn lực cá nhân cần bảo vệ, trong khi nhiệm vụ chuyên môn đòi hỏi việc truyền trao và phát triển tri thức cho thế hệ kế tiếp [2]. Mâu thuẫn này dẫn đến những xung đột đạo đức, trong đó việc không chia sẻ có thể làm suy yếu văn hóa tổ chức, giảm chất lượng giáo dục và làm gia tăng bất bình đẳng trong cộng đồng học thuật. Tác động không chỉ giới hạn ở cấp độ cá nhân, mà còn lan rộng đến sinh viên, ban giám hiệu, và cả cộng đồng giáo dục, làm suy giảm sự tin cậy, hợp tác và năng lực đổi mới của tổ chức [2, 3].

Trong bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam, nơi đang có yêu cầu mạnh mẽ đổi mới quản trị, tự chủ đại học và nâng cao chất lượng đào tạo, việc thúc đẩy văn hóa chia sẻ kiến thức là điều kiện tiên đề để đạt được các mục tiêu chiến lược đó. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tiếp cận vấn đề từ góc độ tâm lý học hoặc hành vi tổ chức, trong khi yếu tố đạo đức – vốn chi phối nhận thức và lựa chọn hành vi trong môi trường học thuật – vẫn chưa được khai thác một cách hệ thống. Do đó, việc phân tích hành vi chia sẻ kiến thức dưới góc nhìn đạo đức học là cần thiết nhằm cung cấp một nền tảng lý luận toàn diện hơn cho việc xây dựng các giải pháp phù hợp, đặc biệt trong bối cảnh đào tạo đa dạng hiện nay.

Từ những phân tích trên, nghiên cứu này đặt ra câu hỏi trọng tâm: dưới góc nhìn của các lý thuyết đạo đức, những giải pháp nào có thể được xây dựng nhằm nuôi dưỡng và củng cố văn hóa chia sẻ kiến thức trong môi trường giáo dục đại học? Nghiên cứu tìm cách trả lời

câu hỏi đó bằng cách vận dụng và đối chiếu bốn khung lý thuyết đạo đức – thuyết hệ quả (consequentialism), đạo đức học bản phận (deontology), đạo đức học đức hạnh (virtue ethics) và lý thuyết hợp đồng xã hội (social contract theory) – để đề xuất các giải pháp khả thi, công bằng và có trách nhiệm trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay.

2 Tổng quan lý thuyết

Phần tổng quan lý thuyết nhằm xây dựng nền tảng học thuật cho việc phân tích hành vi chia sẻ kiến thức trong giáo dục đại học thông qua các lý thuyết đạo đức. Bên cạnh việc mô tả khái niệm chia sẻ kiến thức, phần này tổng hợp các phát hiện thực nghiệm tại các cơ sở giáo dục đại học và trình bày bốn lý thuyết đạo đức được đưa vào phân tích. Những nội dung này tạo cơ sở cho việc giải thích hành vi và xây dựng giải pháp đạo đức thúc đẩy văn hóa chia sẻ kiến thức trong môi trường đại học.

2.1 Chia sẻ kiến thức trong giáo dục đại học

Chia sẻ kiến thức trong môi trường giáo dục đại học được hiểu là quá trình giảng viên chủ động trao đổi, lan tỏa và chuyển giao tri thức chuyên môn, kinh nghiệm sư phạm và thông tin học thuật cho đồng nghiệp, sinh viên và cộng đồng học thuật. Đây không chỉ là hoạt động mang tính chuyên môn mà còn là một phần cốt lõi trong sứ mệnh tạo lập, phát triển và phổ biến tri thức của các trường đại học [2].

Trong thực tiễn giáo dục đại học Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng hành vi chia sẻ kiến thức chịu ảnh hưởng mạnh bởi các yếu tố cá nhân, tổ chức và hệ thống. Ở các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP HCM), văn hóa học tập và năng lực tri thức của giảng viên được chứng minh là hai yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp và tích cực đến thái độ và ý định chia sẻ kiến thức của 439 giảng viên tham gia khảo sát [5]. Điều này cho thấy một môi trường học thuật khuyến khích học hỏi và hợp tác sẽ tăng cường đáng kể động lực chia sẻ của đội ngũ giảng viên.

Tương tự, nghiên cứu tại Trường Đại học Đồng Tháp xác định bốn yếu tố quan trọng tác động đến hành vi chia sẻ kiến thức: niềm tin, hệ thống khen thưởng, văn hóa tổ chức và công nghệ thông tin, trong đó công nghệ

thông tin là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất [6]. Kết quả này khẳng định vai trò của cơ sở hạ tầng hỗ trợ, đặc biệt là các công cụ công nghệ trong việc thúc đẩy luồng tri thức giữa các giảng viên.

Trong khi đó, nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên mở rộng thêm góc nhìn khi chỉ ra sáu yếu tố có tác động đến hành vi chia sẻ kiến thức, bao gồm khen thưởng, lãnh đạo, niềm tin, công nghệ thông tin, văn hóa tổ chức và rủi ro chia sẻ kiến thức. Đáng chú ý, nghiên cứu nhấn mạnh rằng chia sẻ kiến thức được xem như một trách nhiệm nghề nghiệp của giảng viên, gắn liền với vai trò và sứ mệnh học thuật của họ [7].

Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu tại các trường đại học ở TP HCM, Đồng Tháp và Hưng Yên cho thấy hành vi chia sẻ kiến thức của giảng viên không chỉ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kỹ thuật và quản trị, mà còn gắn liền với những giá trị, chuẩn mực và niềm tin mang tính đạo đức trong cộng đồng học thuật. Những rào cản như tâm lý sợ mất lợi thế, thiếu tin tưởng hoặc lo ngại rủi ro khi chia sẻ đều phản ánh sự giằng co giữa lợi ích cá nhân và trách nhiệm nghề nghiệp. Vì vậy, để hiểu đầy đủ bản chất của hành vi chia sẻ, cũng như thiết kế các giải pháp mang tính bền vững, cần mở rộng phân tích sang phương diện đạo đức. Bốn lý thuyết đạo đức dưới đây có thể giúp giải thích sâu sắc hơn động lực, nghĩa vụ và cam kết xã hội liên quan đến hành vi chia sẻ kiến thức trong môi trường giáo dục đại học.

2.2 Lý thuyết hệ quả

Thuyết hệ quả cho rằng giá trị đạo đức của một hành vi được quyết định bởi hậu quả của hành vi đó; hành vi được coi là đúng khi nó mang lại lợi ích lớn nhất cho số đông [5]. Trong bối cảnh giáo dục đại học, chia sẻ kiến thức được xem là hành vi đạo đức vì nó tối đa hóa lợi ích cho cộng đồng học thuật: nâng cao năng lực giảng dạy của đồng nghiệp, cải thiện hiệu quả học tập của sinh viên, tiết kiệm nguồn lực và thúc đẩy đổi mới trong tổ chức.

Các nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam cũng cổ vũ quan điểm này. Tại Trường Đại học Công nghiệp TP HCM, văn hóa học tập tích cực giúp tăng ý định chia sẻ kiến thức của giảng viên vì họ nhận thấy hiệu quả chung mà hành vi này mang lại cho đồng nghiệp và sinh

viên [5]. Tương tự, ở Trường Đại học Đồng Tháp và Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, các cơ chế khen thưởng và sự hỗ trợ từ tổ chức được xem là hợp lý và hiệu quả vì chúng tạo ra lợi ích chung và cải thiện chất lượng chuyên môn của toàn bộ tập thể giảng viên [6-7]. Như vậy, từ góc nhìn của thuyết hệ quả, các chính sách khuyến khích như ghi nhận, khen thưởng hoặc hỗ trợ công nghệ đều phù hợp về mặt đạo đức khi chúng tạo ra nhiều kết quả tích cực cho tổ chức.

2.3 Lý thuyết đạo đức học bốn phạm

Đạo đức học bốn phạm nhấn mạnh rằng hành vi đúng là hành vi xuất phát từ nghĩa vụ đạo đức, bất kể kết quả mang lại [9]. Đối với giảng viên, chia sẻ kiến thức không chỉ là hành vi nhằm tối đa hóa lợi ích mà còn là nghĩa vụ nghề nghiệp gắn liền với vai trò truyền đạt và phát triển tri thức trong cộng đồng học thuật.

Nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên thể hiện rõ điều này khi nhấn mạnh rằng mỗi giảng viên cần phải có nhận thức rằng bản thân phải có trách nhiệm chia sẻ kiến thức với mọi người xung quanh như một yêu cầu xuất phát từ sứ mệnh nghề nghiệp [7]. Từ góc nhìn này, chia sẻ không phải là hành vi lựa chọn mà là chuẩn mực đạo đức cần tuân thủ.

Hơn nữa, các trường đại học Việt Nam đều đặt nghĩa vụ lan tỏa tri thức vào quy chế chuyên môn, quy định chuẩn mực nghề nghiệp, cho thấy sự thống nhất giữa bốn phạm nghề nghiệp và yêu cầu của tổ chức. Vì vậy, đưa hoạt động chia sẻ kiến thức vào mô tả công việc, tiêu chí đánh giá thi đua hoặc các quy định nội bộ là cách thể chế hóa nghĩa vụ này, phù hợp với đạo đức học bốn phạm.

2.4 Lý thuyết đạo đức học đức hạnh

Khác với thuyết hệ quả hay bốn phạm, đạo đức học đức hạnh tập trung vào phẩm chất đạo đức của cá nhân. Một hành vi được xem là đạo đức khi nó phản ánh những đức tính tốt như lòng hào phóng, sự hợp tác, khiêm tốn và tinh thần hỗ trợ đồng nghiệp [10]. Trong giáo dục đại học, chia sẻ kiến thức là biểu hiện trực tiếp của các đức tính nghề nghiệp, người thầy không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn góp phần xây dựng cộng đồng học thuật phát triển.

Kết quả từ các nghiên cứu của Oliveira và cộng sự (2021) cho thấy mức độ chia sẻ kiến thức phụ thuộc

mạnh vào niềm tin, mối quan hệ xã hội, và sự gắn kết đồng nghiệp – những yếu tố gắn liền với đức tính cá nhân và văn hóa đạo đức của tập thể [3]. Khi giảng viên cảm thấy được tin tưởng, tôn trọng và đánh giá cao, họ sẵn sàng chia sẻ hơn, ngay cả trong điều kiện không có phần thưởng hay ràng buộc cụ thể [2]. Điều này minh chứng rằng đức tính và sự trưởng thành đạo đức là nền tảng quan trọng thúc đẩy hành vi chia sẻ kiến thức trong môi trường học thuật.

2.5 Lý thuyết hợp đồng xã hội

Lý thuyết hợp đồng xã hội cho rằng chuẩn mực đạo đức được hình thành từ sự đồng thuận giữa các thành viên trong cộng đồng nhằm đảm bảo công bằng và lợi ích chung [11]. Áp dụng trong giáo dục đại học, giảng viên và nhà trường đều tham gia một “hợp đồng học thuật”: giảng viên có trách nhiệm chia sẻ kiến thức để nâng cao chất lượng đào tạo, trong khi tổ chức phải đảm bảo môi trường minh bạch, công bằng và hỗ trợ để hành vi chia sẻ được thực hiện thuận lợi.

Những phát hiện từ các nghiên cứu trong nước và quốc tế cho thấy yếu tố văn hóa tổ chức đóng vai trò then chốt trong việc thiết lập các chuẩn mực hành vi [2-3, 5]. Tại Trường Đại học Công nghiệp TP HCM, văn hóa học tập có ảnh hưởng mạnh nhất đến thái độ và ý định chia sẻ kiến thức của giảng viên, thể hiện rõ tầm quan trọng của sự đồng thuận và cam kết chung trong tổ chức [5]. Kết quả tương tự cũng được ghi nhận tại Đồng Tháp và Hưng Yên, nơi văn hóa tổ chức và sự hỗ trợ từ lãnh đạo là những yếu tố quan trọng thúc đẩy chia sẻ kiến thức [6-7]. Từ góc nhìn hợp đồng xã hội, hành vi chia sẻ kiến thức không chỉ dựa trên động cơ cá nhân mà còn là sự thể hiện cam kết đối với cộng đồng học thuật và chất lượng đào tạo chung.

Tóm lại, các nội dung trên cho thấy chia sẻ kiến thức là hoạt động thiết yếu trong giáo dục đại học, chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi các yếu tố cá nhân, tổ chức và hệ thống, đặc biệt là văn hóa tổ chức, niềm tin, cơ chế khen thưởng và năng lực công nghệ. Từ góc nhìn đạo đức, bốn lý thuyết đạo đức mang lại các góc nhìn bổ trợ nhau: thuyết hệ quả nhấn mạnh lợi ích chung; đạo đức học bốn phần khẳng định trách nhiệm nghề nghiệp của giảng viên; đạo đức học đức hạnh xem chia sẻ như biểu hiện phẩm chất tốt; trong khi lý thuyết hợp đồng xã hội

nhấn mạnh sự đồng thuận và công bằng trong cộng đồng học thuật. Những cơ sở lý luận này là nền tảng quan trọng để xây dựng các giải pháp thúc đẩy văn hóa chia sẻ kiến thức trong môi trường giáo dục đại học.

3 Phương pháp nghiên cứu

Thông qua các khung lý thuyết đạo đức, nghiên cứu này sử dụng phương pháp lược khảo lý thuyết nhằm phân tích hành vi chia sẻ kiến thức tại Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên và các trường đại học khác tại TP HCM. Cách tiếp cận này cho phép tổng hợp các kết quả nghiên cứu hiện có, đồng thời đánh giá điểm mạnh và hạn chế của các giải pháp đã được đề xuất trong thực tiễn.

Trước hết, nghiên cứu tiến hành tổng hợp các kết quả thực nghiệm từ bối cảnh giáo dục đại học trong nước và quốc tế. Những dữ liệu này được sử dụng để nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ kiến thức của giảng viên, từ đó làm nền tảng cho việc áp dụng các lý thuyết đạo đức trong phân tích.

Tiếp theo, nghiên cứu đối chiếu bốn lý thuyết đạo đức gồm thuyết hệ quả, đạo đức học bốn phần, đạo đức học đức hạnh và lý thuyết hợp đồng xã hội với các hành vi và bối cảnh được ghi nhận. Việc phân tích này giúp xác định mức độ phù hợp của từng lý thuyết trong việc giải thích hành vi chia sẻ kiến thức, cũng như đánh giá khả năng áp dụng của chúng trong việc thiết kế các giải pháp quản trị.

Cuối cùng, nghiên cứu tiến hành đánh giá tổng hợp nhằm xác định điểm mạnh, điểm yếu và mức độ khả thi của các giải pháp được đề xuất từ góc nhìn đạo đức. Kết quả phân tích là cơ sở để phát triển một hệ thống giải pháp tích hợp, vừa phù hợp với thực tiễn văn hóa – tổ chức trong giáo dục đại học Việt Nam, vừa đảm bảo tính đúng đắn về mặt đạo đức.

4 Kết quả và thảo luận

4.1 Kết quả

Phân tích tổng hợp từ bối cảnh giáo dục đại học trong nước và quốc tế cho thấy hành vi chia sẻ kiến thức của giảng viên chịu tác động đồng thời bởi các yếu tố cá nhân, tổ chức và hệ thống. Kết quả khảo sát từ 439 giảng viên tại các trường đại học ở TP HCM cho thấy văn hóa học tập ($\beta = 0,679$; $p < 0,01$) và năng lực

tri thức ($\beta = 0,159$; $p < 0,01$) được xác định là hai yếu tố quan trọng thúc đẩy thái độ và ý định chia sẻ kiến thức của giảng viên, phản ánh tác động tích cực của môi trường học thuật hỗ trợ đến hành vi chia sẻ [5]. Kết quả khảo sát 272 giảng viên tại Trường Đại học Đồng Tháp cho thấy công nghệ thông tin, niềm tin, hệ thống khen thưởng và văn hóa tổ chức được ghi nhận là những nhân tố quan trọng, có ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$), trong đó công nghệ thông tin ($\beta = 0,381$, $p < 0,01$) có ảnh hưởng mạnh nhất, cho thấy vai trò của cơ sở hạ tầng trong việc tạo điều kiện cho sự lưu chuyển kiến thức giữa các giảng viên [6]. Kết quả nghiên cứu 250 giảng viên tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên bổ sung thêm góc nhìn thứ vị khác xác định rằng khen thưởng ($\beta = 0,167$;

$p < 0,01$) là yếu tố tác động mạnh nhất, rủi ro chia sẻ kiến thức có ảnh hưởng tiêu cực, và chia sẻ kiến thức được xem là trách nhiệm nghề nghiệp của giảng viên, phản ánh sự đan xen giữa động cơ cá nhân và chuẩn mực đạo đức trong môi trường học thuật [7].

Các kết quả này cho thấy hành vi chia sẻ kiến thức không chỉ chịu tác động bởi điều kiện vật chất và yếu tố quản trị, mà còn liên quan mật thiết đến những giá trị đạo đức như niềm tin, sự công bằng, tinh thần hợp tác và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp. Những yếu tố đạo đức này thể hiện qua cách giảng viên đánh giá rủi ro – lợi ích, nhận thức về nghĩa vụ chia sẻ kiến thức, và kỳ vọng của cộng đồng học thuật đối với vai trò của họ. Do đó, đây là cơ sở để phân tích sâu hơn hành vi chia sẻ kiến thức thông qua các lý thuyết đạo đức.

Bảng 1 Lý thuyết đạo đức và giải pháp thúc đẩy chia sẻ kiến thức trong giáo dục đại học

Lý thuyết đạo đức	Mục tiêu đạo đức	Tiêu chí cốt lõi	Lý giải về hành vi chia sẻ kiến thức dưới góc nhìn của các lý thuyết đạo đức tương ứng	Giải pháp được đề xuất
Thuyết hệ quả [9]	Tối đa hóa kết quả tích cực cho tổ chức và xã hội.	Hành vi đúng khi tạo ra lợi ích lớn nhất cho nhiều người.	Chia sẻ kiến thức tạo ra giá trị cho người học, đồng nghiệp, tổ chức, thúc đẩy chất lượng đào tạo, năng suất và đổi mới.	Xây dựng chương trình khuyến khích như khen thưởng, công nhận, hỗ trợ tài chính.
Đạo đức học bốn phân [10]	Tuân thủ nghĩa vụ nghề nghiệp và nguyên tắc đạo đức.	Hành vi đúng là hành vi phù hợp với trách nhiệm và quy tắc.	Giảng viên có nghĩa vụ đạo đức trong việc truyền đạt kiến thức, hướng dẫn đồng nghiệp trẻ như một nghĩa vụ nghề nghiệp.	Đưa hành vi chia sẻ kiến thức vào mô tả công việc, tiêu chí thi đua, quy định nội bộ.
Đạo đức học đức hạnh [11]	Nuôi dưỡng phẩm chất tích cực: hào phóng, đồng cảm, hợp tác.	Hành vi đúng là biểu hiện của đức tính tốt, hình thành qua tu dưỡng.	Hành vi chia sẻ là kết quả của lòng tin, sự hợp tác và văn hóa đạo đức cá nhân được nuôi dưỡng qua trải nghiệm nghề nghiệp.	Xây dựng văn hóa học thuật tích cực thông qua hoạt động đội nhóm, sinh hoạt học thuật, nhóm nghiên cứu.
Lý thuyết hợp đồng xã hội [12]	Đảm bảo công lí, đồng thuận và phúc lợi tập thể.	Hành vi đúng là hành vi được đồng thuận trong cộng đồng và vì lợi ích chung.	Khi giảng viên cảm thấy môi trường công bằng, minh bạch, có giá trị cộng đồng thì họ có động lực chia sẻ.	Thiết lập cơ chế giao tiếp hai chiều, phản hồi tích cực cho tổ chức một cách minh bạch và công bằng.

4.2 Thảo luận

Những kết quả thu được cho thấy hành vi chia sẻ kiến thức của giảng viên không thể được lý giải đầy đủ nếu chỉ dựa trên các yếu tố tâm lý cá nhân hay những cơ chế quản trị truyền thống. Các động lực như niềm tin, sự công nhận, tinh thần hợp tác và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp phản ánh rằng chia sẻ kiến thức không chỉ là một hành động chức năng gắn với công việc, mà còn là một hành vi mang tính đạo đức xã hội. Việc giảng viên lựa chọn chia sẻ hay giữ lại kiến thức diễn ra trong

bối cảnh có sự tương tác của các giá trị đạo đức, chuẩn mực tổ chức và mối quan hệ cộng đồng. Điều này cho thấy cần đặt hành vi chia sẻ kiến thức trong khuôn khổ phân tích đạo đức để hiểu đúng bản chất và đề xuất các giải pháp phù hợp.

4.2.1 Ứng dụng các lý thuyết đạo đức trong đề xuất giải pháp chia sẻ kiến thức

Trên cơ sở nhận định rằng chia sẻ kiến thức là một hành vi mang tính đạo đức, nghiên cứu đề xuất việc đưa ra giải pháp phải dựa trên bốn lý thuyết đạo đức chủ đạo:

thuyết hệ quả, đạo đức học bốn phận, đạo đức học đức hạnh và lý thuyết hợp đồng xã hội. Thuyết hệ quả nhấn mạnh việc tối đa hóa lợi ích chung, từ đó biện minh cho các cơ chế khuyến khích như khen thưởng, công nhận thành tích hoặc hỗ trợ tài chính nhằm thúc đẩy hành vi chia sẻ. Đạo đức học bốn phận đề cao tính tất yếu của nghĩa vụ chia sẻ kiến thức đối với nghề giáo, nhấn mạnh rằng giảng viên có trách nhiệm truyền đạt hiểu biết và hướng dẫn thế hệ đồng nghiệp trẻ hơn. Đạo đức học đức hạnh tập trung vào việc nuôi dưỡng phẩm chất nghề nghiệp như lòng hào phóng, tinh thần hợp tác và sự tận tâm; theo đó, các giải pháp cần tạo điều kiện để những phẩm chất này được củng cố. Lý thuyết hợp đồng xã hội nhấn mạnh sự đồng thuận và công bằng trong tổ chức, gợi ý rằng các giải pháp chỉ bền vững khi được triển khai trong môi trường minh bạch và đề cao lợi ích tập thể.

Bên cạnh những luận điểm lý thuyết nêu trên, các nghiên cứu trước cũng trình bày tổng quan các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ kiến thức trong môi trường giáo dục đại học. Trước hết, các công trình về công bằng tổ chức và niềm tin nội bộ cho thấy mức độ an toàn tâm lý và minh bạch trong môi trường làm việc có ảnh hưởng trực tiếp đến xu hướng chia sẻ tri thức. Khi giảng viên cảm nhận được sự tin cậy và công bằng trong tổ chức, khả năng chia sẻ kiến thức sẽ tăng lên; ngược lại, cảm nhận bất công hoặc thiếu minh bạch có thể làm gia tăng hành vi không chia sẻ [12]. Bên cạnh đó, kết quả một số nghiên cứu dự đoán rằng các biện pháp cải thiện sự minh bạch thông tin, thiết lập cơ chế phản hồi hai chiều và ghi nhận công bằng sẽ làm giảm động cơ giữ lại tri thức và qua đó thúc đẩy chia sẻ trong các môi trường học thuật [2].

Ngoài ra, những nghiên cứu về động cơ nghề nghiệp cho thấy hành vi chia sẻ kiến thức chịu tác động mạnh từ nhận thức của giảng viên về tính chính đáng của hành vi này trong vai trò chuyên môn. Khi giảng viên xem việc chia sẻ là trách nhiệm đạo đức hoặc bốn phận nghề nghiệp, họ ít có xu hướng giữ lại kiến thức vì mục tiêu cạnh tranh cá nhân [3]. Điều này dẫn đến dự đoán rằng các hoạt động như cố vấn (mentoring), hợp tác chuyên môn hoặc mô tả công việc có nhấn mạnh trách

nhiệm chia sẻ sẽ tạo tác động mạnh mẽ hơn đối với nhóm giảng viên có định hướng bốn phận cao.

Cuối cùng, nhiều công trình nhấn mạnh vai trò của phẩm chất cá nhân, giá trị đạo đức và sự gắn kết xã hội trong hành vi chia sẻ kiến thức [3]. Các nghiên cứu dự đoán rằng những biện pháp củng cố cộng đồng học thuật, chẳng hạn sinh hoạt chuyên môn, nhóm nghiên cứu hoặc các cơ chế hỗ trợ cộng tác sẽ tạo ra tác động ổn định và bền vững hơn so với các biện pháp thiên về phần thưởng vật chất. Những dự đoán này góp phần lý giải tại sao môi trường văn hóa tích cực và tính tập thể cao thường thúc đẩy hành vi chia sẻ mạnh mẽ hơn trong các trường đại học trong nước.

4.2.2 Ưu điểm, hạn chế và phạm vi áp dụng của giải pháp kết hợp các lý thuyết đạo đức

Việc kết hợp bốn lý thuyết đạo đức tạo ra một khung tiếp cận đa chiều cho các giải pháp thúc đẩy hành vi chia sẻ tri thức từ góc độ kết quả, nghĩa vụ nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân đến đồng thuận tổ chức. Dưới góc nhìn thuyết hệ quả, chia sẻ kiến thức tối ưu hóa lợi ích chung thông qua việc cung cấp bài giảng số hóa, tài liệu chuyên môn hay ngân hàng câu hỏi, minh họa rõ nét qua sáng kiến “Tài nguyên giáo dục mở Việt Nam” (Vietnam Open Educational Resources – VOER), nơi giảng viên chủ động đóng góp học liệu vì lợi ích cộng đồng. Điều này cũng được thể hiện tại Trường Đại học Đồng Tháp, nơi chia sẻ được xem là cách nâng chất lượng giảng dạy chung của nhà trường [6]. Đạo đức học bốn phận bổ sung lập luận rằng chia sẻ kiến thức là trách nhiệm nghề nghiệp của giảng viên, phù hợp với đạo đức nhà giáo và pháp luật giáo dục đại học [13]. Bên cạnh đó, đạo đức học đức hạnh nhấn mạnh các phẩm chất như hào phóng, hợp tác và tận tâm, những yếu tố thường thấy ở giảng viên chủ động hỗ trợ đồng nghiệp và sinh viên. Cuối cùng, lý thuyết hợp đồng xã hội cho thấy chia sẻ kiến thức dựa trên đồng thuận và cam kết cộng đồng [9], thể hiện qua văn hóa tổ chức cởi mở [14] và các mô hình hợp tác liên trường như thư viện điện tử chung của Trường Đại học Kinh tế – Đại học Quốc gia Hà Nội [15].

Việc tích hợp các lý thuyết này đặc biệt phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, vốn tồn tại đồng thời rào cản về cơ chế, văn hóa và động lực cá nhân [5-7]. Khung

đạo đức tích hợp cho phép thiết kế các giải pháp vừa thực dụng vừa có tính chính đáng, đồng thời cung cấp công cụ đánh giá hiệu quả chia sẻ kiến thức qua cả kết quả đầu ra (số lượng tài liệu chia sẻ, nhóm nghiên cứu hình thành) lẫn các chỉ số mềm (công bằng, gắn kết, phát triển nghề nghiệp). Đây là nền tảng quan trọng để nuôi dưỡng văn hóa học thuật hợp tác, liên chính và bền vững.

Tuy vậy, cách tiếp cận tích hợp này cũng có những hạn chế. Việc kết hợp nhiều lý thuyết tạo ra độ trừu tượng cao, đòi hỏi người quản lý phải có năng lực lý luận để vận dụng đúng trong thực tiễn. Tính phổ quát của khung tiếp cận cũng cần được kiểm chứng bằng các nghiên cứu thực nghiệm quy mô lớn nhằm đánh giá sự tương tác giữa các yếu tố đạo đức trong bối cảnh đa dạng. Ngoài ra, sự khác biệt về cấu trúc quản trị và văn hóa giữa các trường có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của giải pháp, đòi hỏi phải điều chỉnh linh hoạt khi áp dụng ở từng cơ sở cụ thể.

5 Kết luận

Hành vi chia sẻ kiến thức trong giáo dục đại học là một hiện tượng chịu ảnh hưởng đồng thời bởi động lực cá nhân, chuẩn mực tổ chức, mối quan hệ xã hội và nền tảng đạo đức nghề nghiệp. Nghiên cứu này đã vận dụng bốn lý thuyết đạo đức – thuyết hệ quả, đạo đức học bổn phận, đạo đức học đức hạnh và lý thuyết hợp đồng xã hội như một lăng kính phân tích bao quát để đánh giá các giải pháp nhằm giảm thiểu hành vi giữ lại kiến thức

và thúc đẩy văn hóa chia sẻ trong môi trường đại học. Kết quả phân tích cho thấy mỗi lý thuyết đóng vai trò thiết yếu trong việc lý giải hành vi từ các khía cạnh kết quả, nghĩa vụ, phẩm chất và cam kết cộng đồng. Trên cơ sở đó, giải pháp kết hợp bốn lý thuyết đạo đức bao gồm xây dựng chương trình khuyến khích chia sẻ kiến thức (khen thưởng, công nhận, hỗ trợ tài chính), đưa hành vi chia sẻ kiến thức vào mô tả công việc, tiêu chí thi đua, quy định nội bộ; xây dựng văn hóa tổ chức hỗ trợ; thiết lập cơ chế giao tiếp hai chiều, phản hồi tích cực đến tổ chức một cách minh bạch và công bằng được xác định là chiến lược tối ưu, vừa đảm bảo hiệu quả thực tiễn, vừa phù hợp với nguyên tắc đạo đức.

Việc tích hợp nhiều lý thuyết đạo đức không chỉ mang lại tính toàn diện về lý luận, mà còn giúp các tổ chức giáo dục thiết kế chính sách phù hợp với bối cảnh, văn hóa và nguồn lực cụ thể. Bên cạnh những hàm ý quản trị rõ nét như cơ chế khen thưởng, phản hồi hai chiều và nâng cao vai trò lãnh đạo, nghiên cứu cũng mở ra hướng tiếp cận mới trong việc kết nối giữa quản trị tri thức và đạo đức nghề nghiệp – một chủ đề đang ngày càng được quan tâm trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học. Trong tương lai, các nghiên cứu định lượng có thể được triển khai để kiểm định mức độ ảnh hưởng của từng nhóm giải pháp, hoặc mở rộng sang các lĩnh vực khác như y khoa, kỹ thuật, hoặc nghệ thuật, nơi tri thức chuyên môn đóng vai trò trung tâm nhưng hành vi chia sẻ lại có những đặc thù riêng.

Tài liệu tham khảo

1. Rezaei, M. (2025). Unlocking knowledge transfer dynamics across borders: key drivers in international strategic alliances. *Journal of Knowledge Management*, 29(8), 2497-2517. <https://doi.org/10.1108/JKM-12-2023-1188>
2. Fauzi, M. A. (2023). Knowledge hiding behavior in higher education institutions: A scientometric analysis and systematic literature review approach. *Journal of Knowledge Management*, 27(2), 302-327. <https://doi.org/10.1108/JKM-07-2021-0527>.
3. Oliveira, M., Curado, C., Garcia, P. S. (2021). Knowledge hiding and knowledge hoarding: A systematic literature review. *Knowledge and Process Management*, 28(3), 277-294. <https://doi.org/10.1002/kpm.1671>.
- 4 Tsui, A. B. M., Cheng, Y. S. (2022). Foreign language anxiety and English medium instruction classrooms: An introduction. *English Teaching & Learning*, 46, 203-212. <https://doi.org/10.1007/s42321-022-00122-9>.

5. Trần Việt Anh, Bùi Thành Khoa (2024). Nghiên cứu ý định chia sẻ kiến thức của giảng viên tại các Trường Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Journal of Science and Technology-IUH*, 69(3).
6. Huỳnh Quốc Tuấn, Nguyễn Giác Trí, Dương Thị Huỳnh Như (2021). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ kiến thức của giảng viên Trường đại học Đồng Tháp. *TNU Journal of Science and Technology*, 226(18), 116-123.
7. Nguyễn Quốc Phóng (2024). Các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi chia sẻ kiến thức đối với giảng viên: Nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Hùng Vương*, 34(1), 23-30.
8. Smart, J. J. C. (2006). Utilitarianism. In D. M. Borchert (Ed.), *Encyclopedia of Philosophy* (2nd ed., Vol. 9, pp. 603-611). Macmillan Reference USA. https://link-gale-com.edgewood.idm.oclc.org/apps/doc/CX3446802063/GVRL?u=edgewood_oscar&sid=bookmark-GVRL&xid=1fe2884c. Accessed 20 Dec. 2024.
9. Powers, T. M. (2005). Deontology. In C. Mitcham (Ed.), *Encyclopedia of Science, Technology, and Ethics* (Vol. 2, pp. 496-499). Macmillan Reference USA. https://link-gale-com.edgewood.idm.oclc.org/apps/doc/CX3434900190/GVRL?u=edgewood_oscar&sid=bookmark-GVRL&xid=d392f320. Accessed 20 Dec. 2024.
10. Hooke, A. E. (2005). Virtue Ethics. In C. Mitcham (Ed.), *Encyclopedia of Science, Technology, and Ethics* (Vol. 4, pp. 2036-2044). Macmillan Reference USA. https://link-gale-com.edgewood.idm.oclc.org/apps/doc/CX3434900716/GVRL?u=edgewood_oscar&sid=bookmark-GVRL&xid=ea60fcc5. Accessed 20 Dec. 2024.
11. Foltz, F. A. (2005). Social Contract Theory. In C. Mitcham (Ed.), *Encyclopedia of Science, Technology, and Ethics* (Vol. 4, pp. 1796-1800). Macmillan Reference USA. https://link-gale-com.edgewood.idm.oclc.org/apps/doc/CX3434900632/GVRL?u=edgewood_oscar&sid=bookmark-GVRL&xid=d96bec3f. Accessed 20 Dec. 2024.
12. Holten, A. L., Hancock, G. R., Persson, R., Hansen, Å. M., & Høgh, A. (2016). Knowledge hoarding: Antecedent or consequent of negative acts? The mediating role of trust and justice. *Journal of Knowledge Management*, 20(2), 215-229. <https://doi.org/10.1108/JKM-06-2015-0222>.
13. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2018). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Luật số 34/2018/QH14), Khoản 29, Điều 1.
14. Hosen, M., Ogbeibu, S., Lim, W. M., Ferraris, A., Munim, Z. H., & Chong, Y.-L. (2023). Knowledge sharing behavior among academics: Insights from theory of planned behavior, perceived trust and organizational climate. *Journal of Knowledge Management*, 27(6), 1740-1764. <https://doi.org/10.1108/JKM-02-2022-0140>.
15. Đại học Quốc gia Hà Nội – Trường Đại học Kinh tế (UEB). (2021, 30 tháng 11). *Giới thiệu về Thư viện Điện tử dùng chung các trường đại học Việt Nam thuộc khối ngành kinh tế*. <https://ueb.edu.vn/Dao-Tao/UEB/gioi-thieu-ve-thu-vien-dien-tu-dung-chung-cac-truong-dai-hoc-viet-nam-thuoc-khoi-nganh-kinh-te/1666/1666/1672/30257>. Truy cập ngày 30 tháng 12, 2024.

Promoting Knowledge Sharing in Vietnamese Higher Education through the Perspective of Ethical Theories

Ta Huu Hien*, Nguyen Manh Hoang

NTT Institute of International Education (NIIE), Nguyen Tat Thanh University

*thhien@ntt.edu.vn

Abstract Knowledge hoarding in academic environments poses significant challenges to the quality of teaching and learning. This study focuses on developing solutions to promote knowledge sharing in Vietnamese higher education. Drawing on four major ethical theories – Consequentialism, Deontology, Virtue Ethics, and Social Contract Theory – the article analyzes and proposes an integrated set of solutions grounded in these ethical perspectives. The proposed recommendations include implementing structured knowledge-sharing programs with reward mechanisms, institutionalizing knowledge-sharing requirements in job descriptions, establishing two-way communication systems, and organizing activities that foster a collaborative and cohesive academic culture. The findings suggest that combining these approaches helps balance extrinsic and intrinsic motivations, while simultaneously strengthening collective responsibility and cooperation among faculty members. This not only enhances teaching quality but also contributes to building a sustainable academic environment that effectively supports educational goals.

Keywords Knowledge sharing, Academic ethics, Vietnamese higher education, Faculty responsibilities, Lecturers